

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST  
Ngày: 23/02/2021  
V/v tranh chấp “Hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Đoàn Thanh Phong**

2/ Ông **Châu Văn Bình**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Thủy Uyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 13/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-DS ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh **Phạm Quốc V** – sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện CG, tỉnh TG.

\* Bị đơn: Chị **Thái Thị Tuyết S** – sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện CG, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm quốc V trình bày:*

Qua quen biết anh có cho chị S vay tiền làm 02 lần như sau:

- Lần 1: Ngày 02/9/2017 DL, anh cho chị S vay số tiền 30.000.000 đồng, hạn trả ngày 02/11/2017 DL, thời gian vay là 02 tháng, chị S có viết biên nhận nợ và ký tên.

- Lần 2: Ngày 10/5/2018 DL, anh cho chị S vay số tiền 40.000.000 đồng, hạn trả là ngày 10/6/2018 DL, thời hạn vay là 01 tháng. Đối với số tiền này thì anh là người viết biên nhận nợ, chị S có ký tên vào biên nhận và ghi “01 tháng hoàn lại”.

Khi vay tiền, hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất và các bên thống nhất lãi suất 1.5%/tháng. Chị S có trả cho anh 03 lần tiền lãi với số tiền là 5.000.000 đồng,

thời gian trả lãi thì anh không nhớ. Đến thời hạn trả vốn thì chị S không trả cho anh. Anh đã nhiều lần nhắc và yêu cầu chị S trả tiền cho anh nhưng chị S không trả.

Nay anh đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà anh đã nhận là 5.000.000 đồng vào tiền vốn. Anh yêu cầu chị S trả số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng.

Do đó, nay anh khởi kiện yêu cầu chị S có nghĩa vụ trả số tiền vốn là 65.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/06/2018 DL đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 10/10/2020 là 29 tháng, cụ thể:  $65.000.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ tháng} \times 0.83\% = 15.645.500 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả vốn và lãi là 80.645.500 đồng. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn chị Thái Thị Tuyết S vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

\* Tại phiên tòa anh V yêu cầu chị S trả cho anh số tiền vốn là 65.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/06/2018 DL đến ngày 10/02/2021 DL là 32 tháng, cụ thể:  $65.000.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ tháng} \times 0.83\% = 17.264.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả vốn và lãi là 82.264.000 đồng. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh V khởi kiện yêu cầu chị Sương trả cho anh số tiền nợ vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do chị S có hộ khẩu thường trú tại: ấp A, xã A, huyện CG, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

[2] Chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền vốn: Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào hai biên nhận đề ngày 02/9/2017 DL và ngày 10/5/2018 DL do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của chị Thái Thị Tuyết S thể hiện chị S có vay của anh V tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Căn cứ vào hai biên nhận và theo anh V trình bày thì số tiền 30.000.000 đồng cho vay trong thời hạn 02 tháng, số tiền 40.000.000 đồng cho vay trong hạn 01 tháng, khi đến hạn trả nợ anh V đã nhiều lần yêu cầu chị S thanh toán nợ nhưng chị S không trả. Do đó, việc chị S vay của anh V số tiền 70.000.000 đồng là có thật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, anh V cũng trình bày, trong thời gian vay tiền chị S có trả tiền lãi cho anh 03 lần với số tiền là 05 triệu đồng, thời gian trả lãi thì anh không nhớ, anh V đồng ý khấu trừ số tiền lãi này vào trong số tiền vốn. Vì thế, anh V yêu cầu chị S trả số tiền vốn là 65.000.000 đồng, xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh V nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Anh V yêu cầu chị Sương trả cho anh lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/06/2018 DL đến ngày 10/02/2021 DL là 32 tháng, cụ thể: 65.000.000 đồng X 32 tháng X 0.83% = 17.264.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu về tính lãi của anh Việt là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, anh V yêu cầu chị S trả cho anh số tiền cả vốn và lãi là 82.264.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Việt được chấp nhận nên chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho anh Việt.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc V đối với chị Thái Thị Tuyết S

Buộc chị Thái Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Quốc V số tiền cả vốn và lãi là 82.264.000 đồng (tám mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Chị Thái Thị Tuyết S phải chịu 4.113.000 đồng (bốn triệu một trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Phạm Quốc V số tiền 2.590.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004422 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày anh Phạm Quốc V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Thái Thị Tuyết S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

**TÒA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

